



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Excel căn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001040010	Nguyễn Đình Trường	Giang	30/05/2004	CT10A	04					HP,ĐK
2	000002	1201060497	Hoàng Thị	Duyên	05/08/2006	KA12A	04		2,0		Duyên	123
3	000003	1201060499	Nguyễn Hương	Giang	28/12/2006	KA12A	04		3,5		Giang	122
4	000004	1201020071	Nguyễn Quỳnh	Anh	17/11/2006	KC12A	04		4,0		Anh	121
5	000005	1101020045	Phạm Thanh	Bình	11/11/2005	KD11G	04		7,0		Bình	05
6	000006	1201020154	Vũ Thị Thu	Hà	10/09/2006	KD12A	04		2,5		Hà	124
7	000007	1201020074	Nguyễn Thị Lan	Anh	16/06/2006	KD12C	04		6,0		LanAnh	125
8	000008	1201020168	Đỗ Thị Thu	Hiền	14/07/2006	KD12C	04		7,0		Hiền	126
9	000009	1201020167	Ngô Minh	Hạnh	17/02/2006	KD12G	04		4,5		Hạnh	127
10	000010	1201011652	Lê Thị Quỳnh	Anh	25/08/2006	NH12A	04		1,5		Quỳnh	130
11	000011	1201070631	Hoàng Thị Linh	Chiên	06/03/2006	QL12A	04		3,0		Chiên	215
12	000012	1201030724	Nguyễn Quỳnh	Anh	10/04/2006	QM12B	04		8,0		Quỳnh	HP 214
13	000013	1201030822	Vũ Hồng	Hạnh	20/02/2006	QT12A	04		5,5		Hạnh	129
14	000014	0901010115	Đào Chí	Cường	21/05/2003	QT9B	04		7,0		Cường	178
15	000015	1001010783	Lương Trung	Hiếu	09/09/2004	TC10A	04		1,5		Hiếu	131
16	000016	1201011255	Lê Thị	Hiếu	21/07/2006	TC12A	04		2,5		Hiếu	132
17	000017	1201080546	Trương Hà	Anh	28/12/2006	TM12A	04		5,0		Anh	139
18	000018	1201080551	Nguyễn Minh	Đức	07/10/2006	TM12A	04		Không (BB)		Đức	212
19	000019	1201020121	Đỗ Trung	Đoàn	20/11/2006	KC12A	05					ĐK
20	000020	1001020116	Lê Thị	Hạnh	29/09/2004	KD10E	05		4,5		Hạnh	136
21	000021	1101020067	Đào Thị Thùy	Dương	22/12/2005	KD11D	05		6,0		Đào	137
22	000022	1001021433	Đinh Thành	Đạt	17/03/2004	KD11E	05		3,0		Đạt	135
23	000024	1201020164	Nguyễn Thị Thu	Hằng	16/07/2006	KD12A	05		3,0		Hằng	HP 139
24	000023	1201020109	Phạm Quỳnh	Chi	19/06/2006	KD12B	05		7,5		Chi	HP 138
25	000025	1201020153	Vũ Thị Thu	Hà	22/06/2006	KD12G	05		3,0		Hà	HP 138
26	000026	1201011188	Hà Thị Nguyệt	Ánh	13/12/2006	NH12A	05		7,0		Ánh	133
27	000027	1201011240	Nguyễn Thị Thu	Hằng	09/10/2006	NH12A	05					HP,ĐK
28	000028	1001011340	Hoàng Quỳnh	Anh	19/01/2004	TC10B	05		Mười		Anh	211
29	000029	1201011241	Phạm Thu	Hằng	26/09/2006	TC12A	05		3,0		Hằng	213
30	000030	1201011220	Vũ Thành	Duy	01/07/2006	TC12B	05					ĐK

Tổng số sinh viên dự thi: ...26...

Tổng số tờ giấy thi: ...26...

Tổng số biên bản: ...04.....

Ngày ...13 tháng 9... Năm 2025

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Trần Thị Kim Đan Nguyễn Thị Ngọc Hà



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Excel căn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000031	1201040020	Võ Thị	Huệ	18/04/2005	CT12A	04		4,0	120	Phuê	01
2	000032	1001020181	Trịnh Thùy	Linh	17/04/2004	KD10D	04		5,0	121	Linh	02
3	000033	1001020157	Trần Thanh	Lâm	05/05/2004	KD10G	04		6,0	122	Lâm	03
4	000034	1201021791	Nguyễn Đan	Khanh	17/12/2006	KD12C	04		7,5	123	Khanh	04
5	000035	1201020292	Bùi Thị Ngọc	Minh	01/09/2006	KD12D	04		2,5	124	Minh	HP 05
6	000036	1201020236	Vũ Thị Kim	Lan	18/01/2006	KD12E	04		7,0	125	Kim	06
7	000037	1001010809	Lê Thị Thùy	Linh	01/09/2004	NH10A	04		9,0	126	Linh	07
8	000038	1201011313	Tạ Khánh	Linh	20/06/2005	NH12A	04		3,0	131	Linh	09
9	000039	1201030924	Nguyễn Thị Khánh	Linh	13/11/2006	QM12B	04		3,5	130	Linh	10
10	000040	1201030929	Phạm Thị	Linh	18/10/2006	QM12B	04		8,5	129	Linh	HP 11
11	000041	1201031647	Phan Ngọc	Linh	19/04/2006	QM12B	04		4,5	128	Phan	HP 14
12	000042	1201030945	Vũ Gia	Long	18/01/2006	QM12B	04					ĐK
13	000043	1101030581	Đỗ Trung	Kiên	28/04/2005	QT11A	04		9,0	127	Kiên	16
14	000044	1201030848	Đỗ Ánh	Hồng	22/07/2006	QT12A	04		6,0	136	Hồng	21
15	000046	0901030370	Đặng Tuấn	Kiệt	09/12/2003	QT9B	04					HP, ĐK
16	000045	1201030910	Đoàn Thị Khánh	Linh	19/01/2006	TC12A	04		8,0	137	Linh	22
17	000047	1201080580	Nguyễn Đức	Mạnh	12/12/2006	TM12A	04		4,0	134	Mạnh	20
18	000048	1001020153	Trần Quang	Khởi	21/11/2004	KD10D	05		5,0	135	Khởi	13
19	000049	1001020601	Lưu Thùy	Linh	17/09/2004	KD10E	05		6,0	133	Thùy	HP 18
20	000050	1201011281	Vũ Đình	Huyền	07/08/2006	NH12A	05					HP, ĐK
21	000051	1001070441	Nguyễn Quốc	Huy	22/08/1997	QL10A	05		7,0	132	Huy	17
22	000052	1101030596	Lê Thuý	Linh	04/09/2005	QM11A	05		Mười	211	Linh	26
23	000053	1201031554	Lưu Thị	Huyền	20/06/2005	QM12B	05		3,0	140	Huyền	HP
24	000054	1201030895	Nguyễn Văn	Kiên	27/07/2006	QM12B	05		6,0	138	VKiên	
25	000055	1201030914	Ngô Thị	Linh	04/01/2006	QM12B	05		6,0	139	Linh	HP
26	000056	1201030927	Nguyễn Thùy	Linh	08/12/2006	QM12B	05		6,0	142	Linh	
27	000057	1101030558	Phạm Minh	Huệ	10/04/2005	QT11B	05		5,0	220	Minh	
28	000058	1101030626	Hồ Văn Nhật	Minh	29/03/2005	QT11B	05		9,0	213	Minh	
29	000059	1201011285	Lê Thiệu	Khánh	08/10/2006	TC12B	05					HP, ĐK
30	000060	1001080572	Nguyễn Hoàng	Huy	30/09/2004	TM10A	05		9,0	214	Huy	

Tổng số sinh viên dự thi: 27/26

Tổng số tờ giấy thi: 26

Tổng số biên bản: 0

Ngày 13 tháng 9 năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Ngọc Phạm Việt Phương



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Excel căn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	^{Mã đề} Số tờ	^{Số máy} Ký nộp	Ghi chú
1	000061	1201060516	Lưu Quỳnh	Nga	05/04/2006	KA12A	04		4,5	121	Nga	01
2	000062	0901060550	Ngô Hồng	Triệu	06/06/2003	KA9A	04		5,0	127	B	09
3	000063	1001020288	Cao Thị	Thi	20/02/2004	KD10G	04		8,0	122	H.	03
4	000064	1101020285	Lê Thị Phương	Thùy	14/03/2005	KD11B	04		muối	123	Thùy	04
5	000065	1201020416	Đào Thanh	Thủy	19/09/2006	KD12D	04		8,5	126	Thủy	05
6	000066	1201020424	Đoàn Thị Thu	Trà	07/03/2006	KD12D	04		muối	212	Tec	25
7	000067	1201020491	Vũ Hải	Yến	07/12/2006	KD12D	04		7,0	124	Yến	HP 07
8	000068	1201020332	Hoàng Thị Trang	Nhi	20/01/2006	KD12G	04		6,5	125	Nhi	08
9	000069	1201011341	Nguyễn Hà	My	04/09/2006	NH12A	04		2,5	129	My	HP 12
10	000070	1001030701	Trương Thị	Thoan	09/09/2003	QM10A	04		3,5	128	Thoan	10
11	000071	1201031116	Nguyễn Thanh	Tú	25/09/2006	QM12B	04		muối	213	Tú	24
12	000072	0901030679	Dương Thị	Trang	08/08/2003	QM9B	04		3,5	131	Trang	14
13	000073	1001031759	Nguyễn Phương	Thảo	27/10/2004	QT10A	04		6,5	130	Thảo	HP 13
14	000074	1201011420	Nguyễn Thị	Thư	16/06/2006	TC12A	04		4,0	132	Thư	HP 15
15	000075	1201011423	Lê Thị	Thùy	09/09/2006	TC12A	04		4,0	133	Thùy	HP 16
16	000076	1201080612	Lê Thị Thu	Trang	23/02/2006	TM12A	04		5,5	138	Trang	21
17	000077	1201080620	Đào Thị	Yến	18/04/2006	TM12A	04		6,5	134	Yến	19
18	000078	0901080848	Vũ Thị Trang	Nhung	12/02/2003	TM9A	04		5,0	135	Nhung	17
19	000079	1001020900	Mẫn Thị	Trang	28/05/2004	KD10G	05		7,5	215	Trang	HP 32
20	000080	1201020357	Đỗ Thu	Phương	05/12/2006	KD12G	05		8,0	216	Phuoc	31
21	000081	1201011415	Bùi Duy	Thông	05/02/2006	NH12A	05		8,5	140	Thông	23
22	000082	1201011456	Nguyễn Văn	Việt	30/06/2005	NH12B	05					HP,DK
23	000083	1201070668	Tạ Khắc	Son	05/12/2006	QL12A	05		3,0	135	Son	22
24	000084	1201030993	Phạm Thị	Ngoan	19/10/2006	QM12B	05		7,0	136	Ngoan	HP 34
25	000085	1201031036	Nguyễn Đức	Quang	07/08/2006	QM12B	05		7,5	214	Quang	28
26	000086	1201031095	Nguyễn Quỳnh	Trang	08/12/2006	QM12B	05		5,5	120	Trang	2
27	000087	1201031018	Đỗ Thị Mai	Phương	03/01/2006	QT12A	05		3,5	218	Phuoc	84
28	000088	1001010905	Phạm Trọng	Tài	16/12/2004	TC10A	05					HP,DK
29	000089	1001010890	Lăng Quốc	Việt	29/10/2004	TC10A	05		4,5	219	Việt	HP 34
30	000090	1201081812	Mai Thiên	Tài	04/08/2006	TM12A	05		5,5	211	Tài	84
31	000091	1201080621	Doãn Hải	Yến	11/07/2006	TM12A	05		5,5	217	Yến	29

Tổng số sinh viên dự thi:.....29

Tổng số tờ giấy thi:.....29

Tổng số biên bản:.....0

Ngày 13.. tháng 9.. Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Trịnh Thu Trang

Nguyễn Thị